TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/**2026/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 8 - 2026
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nghiêm Đình Long
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Quang Toán
Bà Nông Thị Sinh

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Khổng Thị Thụy, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2026/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2026 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Triệu Văn T, sinh năm 1992.
Số định danh cá nhân: 008092004333
Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

* Bị đơn: Chị Bàn Thị K, sinh năm 1994.
Số định danh cá nhân: 008194009587
Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện và tại các lời khai, nguyên đơn anh Triệu Văn T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bàn Thị K đăng ký kết hôn ngày 09/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại thôn B, xã H, tỉnh Tuyên Quang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng cuối năm 2017 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, chị K thường xuyên không có nhà, không có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục con cái học hành. Vợ chồng đã

sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa, anh T xác định không còn tình cảm với chị K và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bàn Thị K.

- Về con chung: Anh T xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Triệu Tuấn K1, sinh 29/4/2012 và cháu Triệu Mạnh T1, sinh 24/10/2014. Hiện nay, 02 cháu đang sống cùng anh T và ông bà nội.

Khi ly hôn anh đề nghị giao 02 con chung là cháu Triệu Tuấn K1 và cháu Triệu Mạnh T1 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị Bàn Thị K không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị K vắng mặt không có lý do nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Anh Triệu Văn T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận. Chị Bàn Thị K vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

*** Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền nghĩa vụ của bị đơn quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*** Về nội dung:**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Văn T:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Triệu Văn T được ly hôn với chị Bàn Thị K.

- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Triệu Tuấn K1, sinh 29/4/2012 và cháu Triệu Mạnh T1, sinh 24/10/2014 cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi 02 con đủ 18 tuổi. Chị Bàn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở và có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Triệu Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định. Chị K không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, lời trình bày của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định, nhưng bị đơn không đến Toà án để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn T và chị Bàn Thị K đăng ký kết hôn ngày 09/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị K là hợp pháp.

Anh T và chị K mâu thuẫn với nhau thời gian dài, vợ chồng chung sống không hòa hợp, nội dung này được người thân cung cấp và xác nhận. Vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Hiện nay, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không quan tâm, chăm sóc nhau, không cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, làm cho cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của anh Triệu Văn T ly hôn với chị Bàn Thị K.

- Về con chung: Anh T xác định anh và chị K có 02 con chung là cháu Triệu Tuấn K1, sinh 29/4/2012 và cháu Triệu Mạnh T1, sinh 24/10/2014. Anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 cho đến khi 02 cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu, cháu K1 và cháu T1 đã trên 07 tuổi và đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố. Mặt khác, chị K thường xuyên không có mặt ở nhà, không có trách nhiệm trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không có mặt theo triệu tập của Tòa án để có ý kiến gì về việc nuôi con. Vì vậy, cần giao cháu Triệu Tuấn K1 và cháu Triệu Mạnh T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Triệu Văn T là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triệu Văn T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Triệu Văn T được ly hôn với chị Bàn Thị K. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 09 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Tuyên Quang nay là Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Tuyên Quang*).

[2]. Về con chung: Giao cháu Triệu Tuấn K1, sinh 29/4/2012 và cháu Triệu Mạnh T1, sinh 24/10/2014 cho anh Triệu Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Chị Bàn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Anh Triệu Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Triệu Văn T, bị đơn chị Bàn Thị K vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 3 – Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Hồng Thái (để ghi Sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nghiêm Đình Long